

Bản án số: 168/2022/DS-ST

Ngày 14 – 9 – 2022

V/v tranh chấp hội

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Ngọc Th, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp Nhà C, xã Quách Phẩm B, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Lâm Hồng H; cư trú tại: Ấp Nhà C, xã Quách Phẩm B, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Phan Phương Nh (Phan Văn Nh); cư trú tại: Ấp Nhà C, xã Quách Phẩm B, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Mai Th, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp Cây K, xã Quách Phẩm B, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2022 và lời trình bày của chị Mai Ngọc Th trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Chị Mai Ngọc Th có tham gia hội do ông Phan Văn Nh và bà Lâm Hồng H làm chủ. Hội mở ngày 20/9/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, gồm 23 chung, góp được 14 kỳ thì ông Nh và bà H

đình hội. Quá trình tham gia hội do chị Nguyễn Mai Th đứng ra giao dịch và đóng hội thay chị Th, theo danh sách hội viên có thể hiện tên chị tham gia ở vị trí thứ 16 là “Th (em Th)”. Sau khi đình hội bà Lâm Hồng H có đối chiếu số tiền hội còn nợ vào ngày 30/5/2022 âm lịch là 67.500.000 đồng. Nay chị Thuý yêu cầu ông Nh và bà H trả số tiền hội 14 kỳ thực góp là 41.260.000 đồng và khoản tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Mai Th trình bày:* Chị Th có nhờ chị tham gia dây hội nêu trên do ông Nh và bà H làm chủ. Theo danh sách hội thể hiện tên “Th (em Th)”. Quá trình tham gia hội chị đứng ra giao dịch hội (đi khai và có đóng hội dùm chị Th). Khi đình hội, ngày 30/5/2022 bà H có đối chiếu còn nợ chị Th số tiền 67.500.000 đồng, đến nay bà H và ông Nh vẫn không thanh toán cho chị Th.

** Đối với bị đơn ông Phan Phương Nh và bà Lâm Hồng H:* Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ về Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng bà H không có ý kiến gì, ông Nh cho rằng không biết gì về giao dịch hội trên và Cng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Ngọc Th và chị Nguyễn Mai Th có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phan Phương Nh và bà Lâm Hồng H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Th phù hợp với lời trình bày của chị Th và danh sách hội cũng như giấy đối chiếu tiền hội còn nợ sau khi đình hội của bà Lâm Hồng H. Do đó, có cơ sở xác định được chị Th có tham gia dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 20/9/2020a1, gồm 23 chung do bà H làm chủ. Quá trình tham gia hội chị Th là hội viên đã thực hiện đúng nghĩa vụ góp hội. Tuy nhiên, bà H đã đình hội và còn nợ lại chị Th 14 kỳ hội đã góp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Th thấy rằng: Theo đơn khởi kiện chị Th yêu cầu ông Nh và bà H trả 70.000.000 đồng (14 kỳ x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng). Quá trình giải quyết vụ án chị Th thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nh và bà H trả số tiền hội thực góp của 14 kỳ bằng 41.260.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị Th không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền hui thực góp và lãi suất theo quy định của pháp luật thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hộ, hui, biêu, phường quy định lãi suất trong hui có lãi như sau: *“Lãi suất trong hộ có lãi do các thành viên của dây hộ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần hộ phải góp trừ đi giá trị các phần hộ đã góp trên thời gian còn lại của dây hộ. Trường hợp mức lãi suất giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó.”*

Đối với số tiền hui góp vào, chị Th có theo dõi số tiền bỏ hui ở các kì khai và số tiền góp; bà H không có ý kiến về vấn đề này nên cần chấp nhận số tiền bỏ hui ở các kỳ khai và đã góp vào như chị Th cung cấp. Đối chiếu điều luật viện dẫn nêu trên, phần lãi hui cần điều chỉnh lại theo quy định pháp luật được tính như sau:

Lần thứ nhất góp vào 4.000.000 đồng ngày 20/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 05/11/2020 dương lịch đến ngày xét xử 19/4/2022 tính tròn tháng là 22 tháng): $4.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 1.460.800 \text{ đồng}$. Tương tự cho các lần góp tiếp theo, lần thứ hai góp vào 3.180.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 1.085.548 \text{ đồng}$; lần thứ ba góp vào 2.770.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 919.640 \text{ đồng}$; lần thứ tư góp vào 2.900.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 914.660 \text{ đồng}$; lần thứ năm góp vào 2.840.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 848.592 \text{ đồng}$; lần thứ sáu góp vào 3.000.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 846.600 \text{ đồng}$; lần thứ bảy góp vào 2.730.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 725.088 \text{ đồng}$; lần thứ tám góp vào 2.930.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 729.570 \text{ đồng}$; lần thứ chín góp vào 2.950.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 685.580 \text{ đồng}$; lần thứ mười góp vào 3.240.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 699.192 \text{ đồng}$; lần thứ mười một góp vào 2.700.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 537.840 \text{ đồng}$; lần thứ mười hai góp vào 2.700.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 493.020 \text{ đồng}$; lần thứ mười ba góp vào 2.570.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 426.620 \text{ đồng}$; lần thứ mười bốn góp vào 2.750.000 đồng $\times 1,66\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 410.850 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền lãi hui sau khi đã điều chỉnh là 10.783.600 đồng.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Giao dịch hui này phát sinh trong thời gian ông Nh và bà H tồn tại quan hệ hôn nhân, nên căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Nh và bà H cùng có trách nhiệm trả cho chị Th số tiền hui 52.043.600 đồng (vốn góp là 41.260.000 đồng và lãi là 10.783.600 đồng) là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị Th được chấp nhận nên chị Th không phải chịu án phí; ông Nh và bà H phải chịu án phí số tiền là 2.602.000 đồng (52.043.600 đồng $\times 5\%$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Ngọc Th.

Buộc bà Lâm Hồng H và ông Phan Phương Nh (Phan Văn Nh) trả cho chị Mai Ngọc Th tổng số tiền 52.043.600 đồng (năm mươi hai triệu không trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của chị Th cho đến khi Thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông Nh và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nh và bà H phải chịu 2.602.000 đồng (hai triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng) (chưa nộp).

- Chị Th không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị Th số tiền 875.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012733 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai